

Số: 91/QĐ-THLM

Hà Nam, Ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt gói thầu:
“Mua thực phẩm bếp ăn bán trú kì I năm học 2025-2026”, thuộc Kế hoạch lựa chọn
nhà thầu: Mua thực phẩm bếp ăn bán trú kì I năm học 2025-2026, thuộc dự toán mua
sắm: Mua thực phẩm bếp ăn bán trú kì I năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LIÊN MẠC

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa
đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 80/2024/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-THTB ngày 29/08/2025 của Trường Tiểu học
Liên Mạc về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Mua thực phẩm bếp
ăn bán trú Tiểu học Liên Mạc kỳ I năm học 2025-2026”.

Căn cứ Tờ trình của Tổ mua sắm về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa
chọn nhà thầu gói thầu “Mua thực phẩm bếp ăn bán trú Tiểu học Liên Mạc kỳ I
năm học 2025-2026”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Mua thực phẩm
bếp ăn bán trú Tiểu học Liên Mạc kỳ I năm học 2025-2026 thuộc kế hoạch lựa
chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu: Mua thực phẩm bếp ăn bán trú Tiểu học Liên Mạc kỳ I
năm học 2025-2026.

- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): **512.992.000 đồng**

- Tên Chủ đầu tư: Trường Tiểu học Liên Mạc

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 4 tháng (Từ 1/9/2025 đến 31/12/2025)

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại thực phẩm An Phát

- Mã số thuế: 0801335618

- Giá trúng thầu: **512.992.000 đồng**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 4 tháng (Từ 01/09/2025 đến 31/12/2025)

3. Thông tin về hàng hóa trúng thầu: Theo phụ lục chi tiết kèm theo

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Tổ mua sắm căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ mua sắm, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, KT.

HIỆT TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương



PHỤ LỤC

Danh mục và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu *Mua thực phẩm phục vụ bếp ăn bán trú kỳ I năm học 2025-2026*

I. Thực phẩm

Stt	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Tổng tiền
1	Gạo BC	Kg	615	21.000	12.915.000	4	51.660.000
2	Thịt nạc thăn	Kg	36.9	158.000	5.830.200	4	23.320.800
3	Thịt nạc vai	Kg	118.9	158.000	18.786.200	4	75.144.800
4	Tôm	Kg	43.05	255.000	10.977.750	4	43.911.000
5	Cá trắm file	Kg	84.05	142.300	11.960.315	4	47.841.260
6	Xương đuôi chó	Kg	86.1	105.000	9.040.500	4	36.162.000
7	Giò lợn	Kg	65.6	150.000	9.840.000	4	39.360.000
8	Trứng vịt	Kg	41	59.400	2.435.400	4	9.741.600
9	Trứng cút	Kg	45.1	76.900	3.468.190	4	13.872.760
10	Đậu vàng	cái	578.1	3.000	1.734.300	4	6.937.200
11	Cua đồng	kg	6.15	185.000	1.137.750	4	4.551.000
12	Khoai tây	kg	82	17.500	1.435.000	4	5.740.000
13	Rau ngót	kg	16.4	44.800	734.720	4	2.938.880
14	Bí đỏ	kg	90.2	18.900	1.704.780	4	6.819.120
15	Rau mồng tơi	kg	20.5	18.900	387.450	4	1.549.800
16	Rau muống	kg	20.5	18.900	387.450	4	1.549.800
17	Lạc trắng	kg	20.5	64.000	1.312.000	4	5.248.000
18	Vừng vàng	kg	4.1	96.000	393.600	4	1.574.400
19	Cà chua	kg	14.35	20.000	287.000	4	1.148.000
20	Hành khô	kg	1.64	84.000	137.760	4	551.040
21	Tỏi ta khô	kg	0.82	81.000	66.420	4	265.680
22	Hành lá	kg	2.87	39.200	112.504	4	450.016
23	Mùi tàu	kg	2.87	49.000	140.630	4	562.520
24	Mùi ta	kg	1.312	65.000	85.280	4	341.120
25	Xà	kg	1.845	21.000	38.745	4	154.980
26	Cần tây	kg	1.845	70.000	129.150	4	516.600
27	Sữa bột Vinamil	kg	21.73	254.000	5.519.420	4	22.077.680
28	Sữa chua Vinamil	cái	2230.4	6.200	13.828.480	4	55.313.920
29	Sữa lợi khuẩn Yakul	hộp	2230.4	4.700	10.482.880	4	41.931.520
30	Mì chính Ajinomoto 1,8kg	gói	4.1	120.000	492.000	4	1.968.000
31	Hạt nêm Aji ngon 2kg	gói	0.656	122.000	80.032	4	320.128
32	Bột canh Vifon 900g	gói	6.56	22.900	150.224	4	600.896
33	Bột chiên giòn 1kg (đồng tiền)	gói	6.56	34.500	226.320	4	905.280
34	Muối I ớt tinh	túi	1.927	6.300	12.140	4	48.560
35	Muối hạt to	gói	1.71175	5.000	8.559	4	34.235
36	Dầu ăn Neptune 5l	can	5.043	325.000	1.638.975	4	6.555.900
37	Nước mắm Cát Hải 2L	can	0.902	76.800	69.274	4	277.094
38	Nước cốt dừa to	h	8.2	31.900	261.580	4	1.046.320
Tổng ăn:					128.248.000	4	512.912.000

II. Yêu cầu kỹ thuật.

2.1. Yêu cầu chung

a/ Yêu cầu chung về hàng hóa:

Hàng hóa chào thầu phải có tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, mới 100%. Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa.

Tài liệu phải được thể hiện bằng tiếng Việt (các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định).

Tài liệu chứng minh hàng hóa dự thầu phù hợp yêu cầu kỹ thuật: catalog, hướng dẫn sử dụng, mô tả kỹ thuật, mẫu nhãn/bao bì, hình ảnh sản phẩm hoặc các tài liệu khác tương đương.

b/ Yêu cầu chung đối với các loại thực phẩm:

Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đối với thực phẩm tươi sống phải có tài liệu chứng minh nhà cung cấp đủ điều kiện an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn khác theo mục 1.2 Yêu cầu kỹ thuật cụ thể.

Yêu cầu vận chuyển hàng hóa: Cam kết phương tiện vận chuyển thực phẩm phải đảm bảo duy trì được chất lượng của sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực phẩm phải được giao theo ngày, đúng số lượng.

Hàng hóa có thể được lấy mẫu xác suất để gửi cơ quan chức năng kiểm định và phải bảo đảm đạt các yêu cầu về an toàn thực phẩm, các tiêu chí kỹ thuật nêu trên trong trường hợp bên mời thầu nghi ngờ về chất lượng. Nếu phát hiện sai phạm, nhà thầu sẽ bị xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

Hàng hóa được đóng gói theo quy trình ISO (Rau, củ, quả các loại phải theo tiêu chuẩn Vietgap; Hàng khô và gia vị không yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO), có hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, có minh chứng tem mác rõ ràng có truy xuất nguồn gốc (mã QR, mã vạch), ghi rõ ngày, tháng đóng gói, hạn sử dụng.

Hạn sử dụng hàng hóa:

+ Đối với thực phẩm tươi sống, rau: Sử dụng trong ngày tuy nhiên phải đảm bảo độ tươi ngon;

+ Các sản phẩm khác: Hạn sử dụng tối thiểu còn 2/3 hạn dùng theo quy định của hãng sản xuất, tính từ thời điểm giao hàng.

Yêu cầu cụ thể đối với thịt, cá, thực phẩm tươi sống: Thịt tươi sống, không có thuốc tăng trọng; các thớ thịt đều, săn chắc, không nhũn nhão, đàn hồi tốt, không rỉ dịch, chảy nhớt; đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, độ tươi ngon. Đã qua kiểm dịch của cơ quan thú y.

Yêu cầu đối với rau, củ, quả: Đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, độ tươi ngon. Rau không bị héo, úa; Củ quả còn cứng tươi; Được sản xuất và đóng gói theo tiêu chuẩn Vietgap.

Các sản phẩm từ trứng: Trứng còn tươi, khi để soi dưới ánh đèn có buồng

khí nhỏ, lòng đỏ tròn, không di động, nằm cân bằng ở giữa, lòng trắng trong suốt, cam hoặc hồng nhạt. Khi lắc nhẹ mà không có tiếng động. Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đối với gạo: Có tài liệu kiểm nghiệm/ thử nghiệm do đơn vị có thẩm quyền cung cấp.

Đối với sản phẩm đóng gói (Dầu ăn, Mì chính, nước mắm, đường, muối, bột chiên, miến, bánh đa nem, ...): Đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì (Nhà thầu phải cam kết); Có Hồ sơ công bố chất lượng.

Đối với thủy hải sản các loại:

Các loại sản phẩm khác: Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ghi chú về số lượng hàng hóa: Hàng hóa dưới đây là số lượng ước tính để xác định giá của từng loại thực phẩm cung cấp theo thời gian thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ đặt hàng theo số lượng cụ thể hàng ngày vào thời gian và phương thức do 2 bên thống nhất khi thương thảo hợp đồng để nhà thầu chuẩn bị. Giá nhà thầu chào hàng sẽ là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và không thay đổi, chủ đầu tư/ bên mời thầu căn cứ số lượng và yêu cầu sẽ đặt hàng với nhà thầu do vậy nhà thầu phải có trách nhiệm tính toán các khoản chi phí hợp lý vào trong giá chào thầu.

Thời gian giao hàng dự kiến: Từ 7h00 đến 7h30 hàng ngày (Cụ thể khi thương thảo).

1.3 Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải cung cấp Bảng mô tả chi tiết các thông số kỹ thuật cho toàn bộ hàng hóa.

Yêu cầu về chủng loại và tiêu chuẩn hàng hóa:

+ Hàng hóa được đóng gói cẩn thận, đảm bảo thời gian lưu trữ, bảo quản, vận chuyển không làm ảnh hưởng đến chất lượng.

+ Tất cả chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa đến địa chỉ của bên mua do bên bán chịu.

Có bản cam kết thực hiện giao hàng đúng tiến độ; Nếu nhà thầu cung cấp hàng không đúng theo danh mục, quy cách chào thầu thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và nhà thầu phải cung cấp lại đúng theo đúng danh mục hàng hóa đã chào thầu (mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu). Trường hợp nhà thầu không đáp ứng về cung cấp hàng hóa theo danh mục chào thầu thì Chủ đầu tư có quyền hủy hợp đồng và mời nhà thầu khác cung cấp, mọi chi phí liên quan đến gói thầu sẽ do Nhà thầu chịu trách nhiệm.

+ Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm khi xảy ra sự cố:

- Khi xảy ra sự cố về ngộ độc thực phẩm, bên cung cấp phải cử người đại diện có mặt ngay lập tức đến nhà trường để giải quyết. Bên cung cấp sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn khi xảy ra ngộ độc thực phẩm và có kết luận chính thức của cơ quan chức năng từ mẫu thức ăn lưu tại hai bên mỗi ngày. Khi đó, bên

cung cấp sẽ thanh toán toàn bộ chi phí liên quan cho bệnh nhân ngộ độc thực phẩm.

- Đảm bảo các đặc tính tự nhiên của sản phẩm.

- Nhà thầu cần đảm bảo rằng duy trì được các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và lưu hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm.

- Các thực phẩm khi phát hiện thấy dấu hiệu không đảm bảo vệ sinh an toàn cần phải thu hồi. Việc thu hồi do nhà thầu chịu trách nhiệm tiến hành.

10